

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGHIÊN CỨU VÀ BIỆN PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI XẾP HẠNG 500 ĐẠI HỌC NGHIÊN CỨU HÀNG ĐẦU TRÊN THẾ GIỚI

NGUYỄN THANH XUÂN\*

Ngày nhận bài: 23/02/2017; ngày sửa chữa: 29/03/2017; ngày duyệt đăng: 31/03/2017.

**Abstract:** A research university is a university that expects all its tenured and tenure-track faculty to continuously engage in research, as opposed to merely requiring it as a condition of an initial appointment or tenure. Such universities can be recognized by their strong focus on innovative research and the prestige of their brand names. With the strategy of developing a research university, Vietnam National University, Hanoi has issued a set of criteria for a research university with aim to promote member institutions to reach regional and global standards of research universities. In this article, author analyses situation of developing the research university at College of Natural Science - Vietnam National University, Hanoi and proposes some measures to develop the University to enter the list of 500 world - leading research universities.

**Keywords:** Research universities, measure, criteria.

## 1. Đặt vấn đề

Trong quá trình phát triển KT-XH và khoa học - công nghệ (KH-CN) của các quốc gia, vai trò và vị trí của các trường đại học (ĐH) ngày càng trở nên quan trọng không chỉ trong lĩnh vực đào tạo nhân lực KH-CN trình độ cao mà thực sự các trường ĐH đã và đang trở thành các trung tâm nghiên cứu lớn về "sản xuất" tri thức mới và phát triển, chuyển giao công nghệ hiện đại, góp phần phát triển KT-XH bền vững. Với đặc thù kết nối giảng dạy với nghiên cứu, các trường đại học nghiên cứu (ĐHNC) có nhiều ưu thế hơn so với những mô hình khác cũng tạo ra tri thức mới như các viện nghiên cứu hay phòng thí nghiệm của các công ty, tập đoàn. Các trường ĐHNC được xem là đặc biệt do chất lượng, bề rộng và chiều sâu của những cam kết mà họ dành cho hoạt động nghiên cứu. Các nước ngày càng dựa vào các trường ĐHNC nhiều hơn trong việc dẫn dắt sự phát triển và thịnh vượng của quốc gia.

**Luật Giáo dục Đại học** Việt Nam đã thể hiện rõ chủ trương của Nhà nước về xây dựng một hệ thống giáo dục ĐH có tính chất đa dạng với những loại trường khác nhau nhằm thực hiện những sứ mệnh và đáp ứng những nhu cầu khác nhau của xã hội. Trong 3 loại trường ĐH (nghiên cứu, ứng dụng và thực hành), trường ĐH nghiên cứu có vai trò đặc biệt trong việc duy trì sự ưu tú, tạo ra những kiến thức mới, ý tưởng mới, sáng tạo mới nhằm dẫn dắt tiến bộ xã hội cũng như thúc đẩy sự giàu mạnh của quốc gia. Tháng 4/2013, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) đã ban hành bộ tiêu chí dành cho trường ĐHNC do chính trường xây dựng đã chính thức được áp dụng tại các đơn vị thành viên. Bộ tiêu chí này nhằm thúc đẩy các đơn vị từng bước phát triển đạt chuẩn ĐHNC của khu vực và quốc tế.

Xuất phát từ những lí do trên, bài viết tổng quan về

ĐHNC, đưa ra nhận diện và phân loại ĐHNC, phân tích những tiêu chí mà Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHKHTN) - ĐHQGHN chưa đạt, từ đó đưa ra những khuyến nghị để Trường sớm lọt vào xếp hạng 500 ĐHNC hàng đầu trên thế giới.

## 2. Tổng quan về ĐHNC

**2.1. Trường ĐHNC trong lịch sử ĐH châu Âu.** Trong thực tế, mô hình giáo dục ĐH không phải giữ nguyên từ thời nguyên thủy đến nay. Những trường ĐH đầu tiên ra đời là để phục vụ cho thần quyền và giới chức chính trị, tôn giáo. Các trường này được gọi là *Mô hình trường ĐH Trung cổ* và thường được công nhận bởi Giáo hoàng. Điển hình cho các trường đó là ĐH Bologna được thành lập năm 1088, ĐH Paris thành lập năm 1150 và ĐH Oxford năm 1167. Lúc đó, trường ĐH chỉ dạy về ba mảng chính là *Ngữ văn, Hùng biện và Logic học*. Cho đến tận thế kỉ XIV, cũng chỉ có thêm một số môn như *Y học, Triết học, Số học và Thiên văn học* được đưa thêm vào trường ĐH.

Sang đến thế kỉ XV và kéo dài đến thế kỉ XVII, sự bùng nổ của cuộc cách mạng "khoa học thực chứng" (nghiên cứu dựa trên thí nghiệm/quan sát và đề cao tính khái quát hoá của kết quả nghiên cứu) thời kì Phục Hưng đã làm thay đổi hoàn toàn về nhận thức xã hội mà điển hình nhất là đóng góp của Leonardo da Vinci và sau đó là Galileo, Newton đã khiến các trường ĐH được mở rộng sang các ngành khoa học tự nhiên. Thời kì này, các trường ĐH đóng góp một vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu khoa học tự nhiên và hàng loạt phát minh được đưa ra từ các phòng thí nghiệm.

Sang thế kỉ XVIII, cuộc cách mạng công nghiệp đã một

\* Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội

lần nữa đẩy các trường ĐH sang một mô hình mới - đó là mô hình ĐH Humboldt. ĐH Humboldt chính là mô hình ĐH nghiên cứu ngày nay được thành lập đầu tiên vào năm 1810. Mô hình Humboldt là mô hình đóng góp thành công lớn cho sự phát triển khoa học - công nghệ và các trường danh tiếng nhất trên thế giới hiện nay cũng đang theo mô hình này. Ngày nay, hầu hết các trường ĐHNC hàng đầu trên thế giới là của Hoa Kỳ.

Mô hình Humboldt nhấn mạnh việc nghiên cứu phục vụ cho nhu cầu phát triển của quốc gia bên cạnh các nghiên cứu cơ bản. Đó là một trường ĐH công, hoạt động dựa trên ngân sách nhà nước, giảng viên được xem như công chức, có sự bảo đảm chắc chắn của biên chế và rất được xã hội kính trọng. Ở ĐH Humboldt, cơ cấu của nghề giảng viên mang tính thứ bậc và dựa trên hệ thống chủ tịch. Tư tưởng của Humboldt về tự do học tập và tự do giảng dạy - điều được xem là cốt lõi tinh thần của mô hình này đã đem lại quyền tự chủ và tự do học thuật to lớn cho nhà trường. Sở dĩ nhà nước Phổ (sau này là nước Đức) ủng hộ mô hình này là vì nó hứa hẹn có đóng góp cho việc phát triển quốc gia và giúp đất nước giành được quyền lực và ảnh hưởng trên trường quốc tế. Mô hình Humboldt với sự nhấn mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học đã giúp công nghiệp hóa thành công nước Đức và đưa họ lên ngang hàng với các cường quốc Anh, Pháp; hơn thế nữa, trở thành bá quyền khoa học Đức - một trung tâm trí tuệ ảnh hưởng lên toàn thế giới.

Có thể nói, thế kỉ XIX là thế kỉ của ĐH Đức khi họ đóng vai trò là "ngọn đuốc" trí tuệ sáng ngời của cả thế giới, là một mô hình, khuôn mẫu mà nhiều nước phải học tập. Từ nửa cuối thế kỉ XIX, châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản và Trung Quốc đều chịu ảnh hưởng lớn lao của mô hình này. Đầu thế kỉ XX, Chiến tranh thế giới lần thứ 2 nổ ra đã phá tan nền ĐH đỉnh cao ấy bằng chế độ Đức quốc xã bạo tàn. Cuộc di tản khổng lồ của các nhà khoa học Đức từ lục địa châu Âu sang Hoa Kỳ đã làm cho ĐH Đức gần như sụp đổ. Một kỉ nguyên mới mở ra cho các trường ĐH Hoa Kỳ từ thời đó.

**2.2. Trường ĐHNC ở Hoa Kỳ.** Hoa Kỳ đánh giá cao mô hình này về tác dụng của nó. Trong nửa sau thế kỉ XIX, sau khi **Luật Hỗ Trợ Đất** cho các trường ĐH được ban hành, các trường ĐH Mỹ bắt đầu nhấn mạnh hoạt động nghiên cứu, tập trung vào khoa học nông nghiệp và các ngành công nghệ mới hình thành. Các trường ĐHNC Mỹ khác với Đức một số điểm quan trọng: 1) Nhấn mạnh phục vụ xã hội như một giá trị trọng yếu; 2) Cách tổ chức hoạt động đào tạo và nghiên cứu có tính chất dân chủ hơn, dựa trên các khoa chuyên môn nhiều hơn thay vì dựa vào mô hình chủ tịch; 3) Cơ cấu lãnh đạo, quản trị điều hành có sự tham gia nhiều hơn của giảng viên; trưởng khoa và hiệu trưởng là do hội đồng trường bổ nhiệm chứ không phải do đồng nghiệp bầu lên.

Mô hình ĐHNC Hoa Kỳ trở thành mô hình phổ biến toàn cầu từ giữa thế kỉ XX. Mô hình này trở thành "tiêu chuẩn vàng" cho cả thế giới là do thông qua sự kết hợp giữa ngân sách nghiên cứu rất lớn, sự hỗ trợ mạnh mẽ của nhà nước, nghệ thuật lãnh đạo học thuật thích hợp, nó đã tạo ra một hệ thống học thuật phân tầng trong đó các trường ĐHNC được đặt ở trên đỉnh và đã tạo ra những thành quả lớn lao. Các trường ĐH ấy thực sự có vai trò dẫn dắt cả hệ thống về mặt học thuật.

### 3. Nhận diện và phân loại ĐHNC

#### 3.1. Tuyên ngôn Hợp phi về các đặc trưng của ĐHNC.

Ngày 10/10/2013, tại thành phố Hợp Phi (Trung Quốc), 09 trường ĐH tinh hoa của Trung Quốc đã kí một bản tuyên ngôn cùng với các vị Chủ tịch Hiệp hội các Trường ĐH Hoa Kỳ, nhóm 8 trường của Australia và nhóm các Trường ĐHNC hàng đầu ở Châu Âu, nhằm cam kết việc xây dựng, gìn giữ và phát triển những giá trị cốt lõi đã làm nên các trường ĐHNC và bảo đảm cho nó thực hiện được vai trò của mình. Bản Tuyên ngôn nêu ra 10 đặc điểm của trường ĐHNC hiện đại và khẳng định rằng "không có một môi trường hỗ trợ, trường ĐHNC không thể truyền đạt được những kiến thức cần thiết để tạo ra lợi thế cạnh tranh và không thể nào đạt được sự công nhận trên phạm vi toàn cầu".

Các trường ĐHNC được định nghĩa bởi: những cam kết nghiêm túc và xuyên suốt của họ với hoạt động nghiên cứu khoa học; sự ưu tú, bề rộng và khối lượng những kết quả nghiên cứu; cách thức văn hóa khoa học thâm thấu, lan tỏa trong mọi hoạt động từ giảng dạy, nghiên cứu đến gắn kết với giới doanh nghiệp, chính phủ và với cộng đồng xã hội của họ. Việc đào tạo bậc ĐH ở các trường ĐHNC được hưởng lợi to lớn từ những cơ hội mà nhà trường mang lại cho sinh viên trong những lớp học hay phòng thí nghiệm với các giáo sư và nghiên cứu sinh đang làm việc ở tuyến đầu của tri thức. Đào tạo sau ĐH ở các trường ĐHNC được làm cho phong phú thêm nhờ sự gắn kết trực tiếp và mạnh mẽ của các nghiên cứu sinh trong việc thực hiện nghiên cứu, còn chất lượng và năng suất của hoạt động nghiên cứu trong trường thì được lợi rất nhiều nhờ sự sáng tạo và năng lượng của các nghiên cứu sinh. Các trường ĐHNC thường chỉ là số ít trong hệ thống giáo dục ĐH của mỗi nước, nhưng bao giờ cũng chiếm một phần đáng kể thành quả nghiên cứu của quốc gia.

#### 3.2. Phân loại của ĐHQGHN.

Tháng 4/2013, ĐHQGHN đã ban hành bộ tiêu chí dành cho trường ĐHNC do chính trường xây dựng đã chính thức được áp dụng tại các đơn vị thành viên. Bộ tiêu chí này được tổng hợp, cụ thể hóa trên cơ sở tham khảo các tiêu chí phân loại của trường ĐH Carnegie (Carnegie Classification, Hoa Kỳ), tiêu chí xếp loại ĐHNC của Amano (Nhật Bản), tiêu chí gắn sao ĐH của bảng xếp hạng QS với mức chỉ tiêu 4 sao trở lên (hoặc/và nhóm 500 thế giới), tiêu chí xác định ĐHNC của

Hiệp hội các trường ĐH Mĩ (Association of American Universities), đồng thời có cân nhắc các yếu tố đặc thù trong hoàn cảnh của Việt Nam. Các nhóm tiêu chí này được xây dựng với mục tiêu vừa đảm bảo tính tiếp cận chuẩn hoá và hội nhập quốc tế, vừa không quá cách xa với thực tiễn phát triển của khoa học giáo dục Việt Nam, phù hợp với năng lực hiện tại của ĐHQGHN. Cụ thể:

- Bốn giá trị cốt lõi của ĐHNC: 1) *Phát minh và khám phá*: Khuyến khích và thúc đẩy các ý tưởng khoa học nguyên bản; 2) *Sáng tạo và sáng nghiệp*: Khuyến khích, thúc đẩy sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp của người học; 3) *Chất lượng đỉnh cao*: Tạo được động lực để phát triển tài năng và chất lượng nghiên cứu. Phát triển dựa vào nghiên cứu; 4) *Mô hình mở và giải phóng mọi nguồn lực*: Trân trọng tất cả các nguồn lực, đặc biệt là nguồn nhân lực trong nước và quốc tế. Mức độ quốc tế hóa cao.

- Sáu đặc trưng cơ bản của ĐHNC: 1) *Quy mô đa ngành, đa lĩnh vực*; 2) *Tích hợp đào tạo với nghiên cứu ở cả bậc ĐH*: Đào tạo thực hành được tăng cường, người học được học ở cả trong và ngoài giảng đường, được tham gia vào các đề tài nghiên cứu của giảng viên; 3) *Tập trung vào đào tạo sau ĐH*: Tỷ lệ quy mô đào tạo sau ĐH cao (so với đào tạo ĐH), học viên cao học và nghiên cứu sinh thực sự tham gia vào nghiên cứu và quá trình gia tăng giá trị; 4) *Giảng viên là nhà khoa học*: Thành tích nghiên cứu khoa học là tiêu chí quan trọng để đánh giá và bổ nhiệm. Giảng viên rất quan tâm và cam kết mạnh đối với nhiệm vụ nghiên cứu và nhiệm vụ phát triển các nguồn lực từ bên ngoài; 5) *Nghiên cứu chất lượng cao*: Hướng đến cả ba nhóm sản phẩm R-D&C - sáng tạo tri thức mới, phát triển công nghệ, ứng dụng và thương mại hóa; có các nhà khoa học xuất sắc, có các công bố quốc tế với số trích dẫn cao, có sản phẩm khoa học và công nghệ tiêu biểu, đóng góp hiệu quả cho cộng đồng; 6) *Lãnh đạo hiệu quả*: Có chiến lược phát triển rõ ràng, có cam kết mạnh, kiên định với sứ mệnh và tầm nhìn.

#### 4. Phân tích thực trạng của Trường ĐHKHTN - ĐHQGHN

Trường ĐHKHTN - ĐHQGHN được thành lập theo Nghị định số 97/CP ngày 10/12/1993 của Chính phủ, trên cơ sở tách Trường ĐH Tổng hợp Hà Nội thành Trường ĐHKHTN và Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, với sứ mệnh là trở thành trường ĐHNC thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản và ứng dụng. So với chỉ tiêu kế hoạch năm 2015, 2016 của ĐHQGHN, Trường ĐHKHTN đã đạt được hầu hết các chỉ số như: tỷ lệ cán bộ có học vị tiến sĩ trở lên trên tổng số cán bộ khoa học; tỷ lệ cán bộ có chức danh giáo sư, phó giáo sư; tỷ lệ giảng viên trên người học; tỷ lệ cán bộ có chức danh giáo sư, phó giáo sư; tỷ lệ học viên cao học, nghiên cứu sinh trên tổng số người học quy đổi với số điểm tương ứng tự đánh giá là 841 và 922.

Tuy nhiên, so với chỉ số của ĐHNC thuộc top 500 thế giới, Trường ĐHKHTN cần có các biện pháp phù hợp để đạt được các chỉ số sau: số lượng bài báo ISI hoặc/và Scopus trên cán bộ khoa học, số lượng trích dẫn/bài báo khoa học; tỉ lệ kinh phí KH-CN và chuyển giao tri thức trên tổng kinh phí hoạt động mỗi năm; phát minh, sáng chế được công nhận mỗi năm; sản phẩm KH-CN tiêu biểu quốc gia, quốc tế của đơn vị mỗi năm; cán bộ khoa học nước ngoài đến giảng dạy, nghiên cứu (ít nhất 1 học kì/năm).

Dưới đây là bảng tự đánh giá mức độ đạt được năm 2015, 2016 của Trường ĐHKHTN theo bộ tiêu chí dành cho trường ĐHNC của ĐHQGHN so với chỉ số của ĐHNC thuộc top 500 thế giới (xem *bảng 1* trang bên).

#### 5. Các khuyến nghị

Căn cứ vào những phân tích ở trên và nghiên cứu các chính sách mà Trường ĐHKHTN đang áp dụng, chúng tôi đề xuất một số khuyến nghị để Trường sớm lọt vào xếp hạng 500 ĐHNC hàng đầu trên thế giới như sau:

##### 5.1. Tiếp tục cải thiện môi trường làm việc theo hướng đẩy mạnh phát triển nghiên cứu khoa học:

- Xây dựng chế độ làm việc của giảng viên, nghiên cứu viên theo hướng ưu tiên cho công bố khoa học quốc tế; - Đẩy mạnh việc xây dựng các nhóm nghiên cứu; - Thành lập và tham gia điều hành các tạp chí khoa học quốc tế; - Lập cơ sở dữ liệu của Trường ĐHKHTN về ấn phẩm khoa học trong nước và công bố quốc tế dùng làm cơ sở xây dựng chính sách cũng như đánh giá mức độ ưu tú trong thành tích nghiên cứu; - Dùng chỉ số ảnh hưởng (Impact Factor, IF) làm hệ số mức thưởng đối với các giảng viên, nghiên cứu viên có bài báo đăng trên tạp chí quốc tế ISI.

##### 5.2. Thu hút và trọng dụng các học giả là người nước ngoài, Việt kiều hay là người Việt Nam ở nước ngoài:

- Kêu gọi tài trợ để mời các chuyên gia đầu ngành trong và ngoài nước về nghiên cứu và giảng dạy tại Trường; - Xây dựng chính sách cho các học giả là người nước ngoài, Việt Kiều hay là người Việt Nam ở nước ngoài tham gia nghiên cứu khoa học tại Trường: bổ nhiệm đồng quản lý các phòng thí nghiệm, đồng chủ trì các nhiệm vụ KH-CN....

##### 5.3. Chú trọng phát triển nghiên cứu ứng dụng bên cạnh nghiên cứu khoa học cơ bản:

- *Truyền thông quyền tác giả và quyền sở hữu trí tuệ*: Quyền sở hữu trí tuệ là động lực cơ bản thúc đẩy nghiên cứu và sáng tạo. Việc xác định rõ các giới hạn về quyền nhân thân, quyền tài sản trong quyền tác giả đối với các sản phẩm khoa học - công nghệ trong các lĩnh vực khác nhau là phức tạp và phải dựa vào quy chế, phân chia các giới hạn này theo đóng góp cho sáng tạo của mỗi cá nhân; - *Giao thêm chức năng chuyển giao tri thức và chuyển giao công nghệ* trong chức năng, nhiệm vụ của Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa học tự nhiên; - *Xây dựng chính sách hỗ trợ tài chính không*

Bảng 1. Kết quả tự đánh giá của ĐHKHTN về các chỉ số đạt được của bộ tiêu chí cho trường ĐHNC

TT	Tiêu chuẩn/tiêu chí đánh giá	Chỉ số của ĐHNC thuộc top 500 thế giới	Chỉ số đạt được của Trường ĐHKHTN năm 2015	Chỉ số đạt được của Trường ĐHKHTN năm 2016	Trọng số điểm
1	2	3	4	5	6
<i>Tiêu chuẩn 1. Thành tích nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức (500 điểm)</i>					
1.2	Số lượng bài báo ISI hoặc/và Scopus trên cán bộ khoa học trong 5 năm gần đây	ít nhất 5 bài báo (01 bài báo đối với lĩnh vực khoa học xã hội)	1,7	1,9	80
1.3	Số lượng trích dẫn/bài báo khoa học trong 5 năm gần đây	ít nhất 5 trích dẫn	1,2	3,6	80
1.5	Sản phẩm khoa học - công nghệ tiêu biểu quốc gia, quốc tế của đơn vị mỗi năm	10 sản phẩm	1	2	50
1.6	Số lượng giải thưởng khoa học quốc gia, quốc tế của cán bộ và người học trong 5 năm gần đây	10 giải thưởng	8	6	30
1.9	Tỉ lệ kinh phí khoa học - công nghệ và chuyển giao tri thức trên tổng kinh phí hoạt động mỗi năm	ít nhất 50% (25% đối với khoa học xã hội)	36	34	60
1.11	Phát minh, sáng chế được công nhận mỗi năm (tư vấn chính sách đối với dụng khoa học xã hội)	ít nhất 5 phát minh, sáng chế cấp quốc tế và 20 phát minh, sáng chế cấp quốc gia	5	10	30
1.14	Đánh giá của các học giả quốc tế năm gần nhất	ít nhất 75 ý kiến đề cử theo khảo sát của các bảng xếp hạng	27	35	50
<i>Tiêu chuẩn 3. Mức độ quốc tế hóa (50 điểm)</i>					
3.1	Cán bộ khoa học nước ngoài đến giảng dạy, nghiên cứu (ít nhất 1 học kì/năm)	ít nhất 25% tổng số cán bộ khoa học	12%	4%	15
3.3	Hợp tác nghiên cứu quốc tế có công bố chung trong vòng 3 năm gần đây	ít nhất 50 hợp tác quốc tế	13	14	20

hoàn lại cho các nhóm nghiên cứu ứng dụng có cam kết sẽ chuyển giao công nghệ.

Để phát triển các nhóm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ thì Trường ĐHKHTN phải có chính sách tài chính hỗ trợ theo hình thức không hoàn lại với yêu cầu là kết quả các nghiên cứu công nghệ đó sẽ được chuyển giao thông qua Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa học tự nhiên.

**5.4. Tăng cường đầu tư cho các hoạt động quan hệ công chúng, truyền thông, marketing** nhằm tuyên truyền với các tổ chức và doanh nghiệp Việt Nam về các sản phẩm KH-CN chuyển giao và các tiềm năng cùng hợp tác nghiên cứu phát triển công nghệ.

\*\*\*

Các trường ĐHNC là trung tâm của việc phát triển

những ý tưởng mới và những khám phá mới. Những nghiên cứu mà các trường này thực hiện là động lực cho đổi mới, giúp cho việc đáp ứng với những vấn đề thách thức của quốc gia, toàn cầu và đem lại những diễn giải giúp chúng ta hiểu biết nhiều hơn về một thế giới ngày càng biến động và thay đổi nhanh chóng. Có thể khẳng định, xây dựng mô hình ĐHNC là điều kiện bắt buộc góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đóng góp cho phát triển kinh tế tri thức. Trường ĐHKHTN đã tự xác định, nhà trường thuộc nhóm “Đạt” (Mức 4) dựa trên bộ tiêu chí dành cho trường ĐHNC của ĐHQGHN (tương đương với nhóm các trường ĐH trong xếp hạng 200 hàng đầu châu Á) nhưng để sớm nằm trong xếp hạng 500 ĐHNC hàng đầu trên thế giới thì cần áp dụng triệt để 4 biện pháp nêu trên. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Đào Trọng Thi (2003). *Nghiên cứu cơ chế quản lý đại học, đa ngành đa lĩnh vực chất lượng cao theo định hướng đại học nghiên cứu*. Đề tài trọng điểm cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số QGTD.03.07.
- [2] Phạm Thị Ly (2013). *Về khái niệm trường đại học nghiên cứu và các tiêu chí nhận diện đại học nghiên cứu*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 89, tr 12-16.
- [3] Đại học Quốc gia Hà Nội (2013). *Hướng dẫn số 1206/HD-ĐBCLGD về các tiêu chí trường đại học nghiên cứu*.
- [4] Quốc hội (2012). *Luật Giáo dục đại học*.
- [5] Nguyễn Chí Hải - Nguyễn Hồng Nga (2015). *Một số đặc điểm của đại học nghiên cứu - Kinh nghiệm quốc tế cần áp dụng tại Việt Nam*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, số 4 (69), tr 150-156.